TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2019/DS-PT
Ngày: 19-11-2019
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11/10/2019, ngày 05/11/2019 và ngày 19/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 332/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 348/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 9 năm 2019, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 385/2019/TB-TA ngày 04 tháng 10 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 406/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2019, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 421/2019/TB-TA ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 441/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thanh N anh Dương Nhật Đ, sinh năm: 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện T, Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2019).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

2.2. Bà Trần Thị K.C, sinh năm: 1967 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C là Luật sư Nguyễn Hồng T1 – Văn phòng Luật Sư Hồng T1, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt);

Địa chỉ: Số G, Tổ H, Khóm M, Phường N, thành phố C, Đồng Tháp, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C (Là bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thanh N là anh Dương Nhật Đ trình bày:

Vào ngày 24/4/2018, vợ chồng ông H và bà C có đến hỏi vay của anh N số tiền là 55.000.000đồng (có biên nhận nợ) để đáo hạn Ngân hàng.

Ngày 25/4/2018, vợ chồng ông H, bà C tiếp tục đến gặp anh N hỏi vay thêm số tiền là 230.000.000đồng (có biên nhận nợ) để trả tiền đáo hạn Ngân hàng.

Anh N nhiều lần yêu cầu ông H, bà C trả số tiền trên nhưng ông bà vẫn cố tình không trả.

Nay anh Nguyễn Thanh N yêu cầu vợ chồng ông H, bà C trả số tiền vay tổng cộng vốn là 285.000.000đồng và tiền lãi là 11.400.000đồng.

+ Lãi suất của 55.000.000đồng tính từ ngày 24/4/2018 đến ngày khởi kiện là 02 tháng với lãi suất 2%/tháng là 1.100.000đồng x 2 = 2.200.000đồng.

+ Lãi suất của 230.000.000đồng tính từ ngày 25/4/2018 đến ngày khởi kiện là 02 tháng với lãi suất 2%/tháng là 4.600.000đồng x 2 = 9.200.000đồng.

- Các bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C cùng trình bày:

Theo văn bản ghi ý kiến ngày 20/8/2018 thì vợ chồng ông bà thừa nhận có vay của anh N số tiền là 70.000.000 đồng (biên nhận ngày 05/11/2017), đã trả được 40.000.000đồng còn nợ lại 30.000.000đồng.

Đối với 02 biên nhận nợ ngày 24/4/2018 số tiền là 55.000.000 đồng và biên nhận ngày 25/4/2018 số tiền là 230.000.000đồng là do anh N có điện thoại kêu vợ chồng ông bà đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xuống để vay tiền giùm, rồi khoảng 08 giờ (không nhớ ngày tháng năm) vợ chồng ông bà có xuống nhà anh N, có nói chuyện qua lại rồi anh N cầm ba trắc ép

ông H ký tên khi đó không có ai nên ông H ký tên để thoát thân, chứ không biết nội dung gì.

Ông H, bà C chỉ thừa nhận có nợ của anh N số tiền 70.000.000đồng của biên nhận ngày 05/11/2017, nhưng đã trả được 40.000.000đồng (có đóng lãi cho người tên H2, nghe người ta nói là H2 đệ tử của N nhưng hiện H2 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ), chỉ còn nợ lại 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông H và bà C trình bày là việc ông H ký tên vào 02 biên nhận ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018 là do bị ép buộc, chứ không biết nội dung ký tên là gì hết, và việc bị ép buộc này ông, bà có trình báo cho Thanh tra công an tỉnh Đồng Tháp, công an huyện T, công an thị trấn M.A, công an xã M.Q và công an xã M.Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng tháp đã quyết định tuyên xử:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N.

Buộc ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh N số tiền vay vốn 285.000.000 đồng và lãi 4.731.000 đồng. Tổng cộng 289.731.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N đối với số tiền lãi 6.669.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C phải chịu 14.487.000 đồng (Mười bốn triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Thanh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Thanh N 7.410.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: BG/2015/0005505 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 7 năm 2019, các bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị K.C là Luật sư Nguyễn Hồng T1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ của anh N vào tham gia tố tụng vì hai biên nhận vay tiền trên là do vợ của anh N viết nội dung và Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định nguồn tiền cho vay là của cá nhân anh N hay của chung vợ chồng anh N. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành giám định chữ ký tên H trong hai tờ biên nhận ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018 trên, vì ông H không có ký tên vào hai biên nhận trên. Trường hợp Hội đồng xét xử không tiến hành giám định đối với hai biên nhận trên thì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà C, đồng thời không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, vì ông H và bà C không có vay số tiền 285.000.000 đồng trên của anh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành giám định chữ ký tên H trong hai tờ biên nhận ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018, vì ông H có yêu cầu giám định chữ ký tên H trong hai tờ biên nhận trên. Kiểm sát viên không phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N là anh Dương Nhật Đ và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị K C có mặt tại phiên tòa ngày 19/11/2019. Riêng đối với ông Lê Văn H và bà Trần Thị K C đã được Tòa án nhân tỉnh Đồng Tháp triệu tập hợp lệ để xét xử vào ngày 19/11/2019 và ông H, bà C có mặt tại Tòa án, nhưng ông H, bà C không chịu vào hội trường để tham gia xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà C theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử buộc vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị K.C có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N số tiền vay vốn gốc là 285.000.000 đồng và tiền lãi là 11.400.000 đồng theo hai biên nhận mà ông H ký vay của anh N (trong đó biên nhận ngày 24/4/2018 vay 55.000.000 đồng và biên nhận ngày 25/4/2018 vay 230.000.000 đồng). Phía ông H, bà C không đồng ý trả số tiền 285.000.000 đồng trên theo yêu cầu của anh N, vì ông H, bà C cho rằng không có vay số tiền trên của anh N.

[3] Theo nội dung kháng cáo thì ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C không thống nhất với nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại bản án số: 20/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, vì ông H và bà C cho rằng không có vay số tiền 285.000.000 đồng theo hai biên nhận ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018 trên của anh N.

[4] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày của phía ông H, bà C là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không được chấp nhận kháng cáo của ông H, bà C, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm thì ông H, bà C đều thừa nhận hai biên nhận vay tiền ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018 trên là do ông H trực tiếp ký vay số tiền 285.000.000 đồng trên của anh N, cụ thể: biên nhận ngày 24/4/2018 ông H ký vay 55.000.000 đồng và biên nhận ngày 25/4/2018 ông H ký vay 230.000.000 đồng. Căn cứ vào hai biên nhận trên cho thấy ông H có vay của anh N số tiền 285.000.000 đồng trên là hoàn toàn đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà C và buộc ông H, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N số tiền vay vốn gốc và lãi tổng cộng là 289.731.000 đồng như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/11/2019, ông H và bà C trình bày nạy cho rằng hai biên nhận vay tiền ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018 trên là do anh N ép buộc ông H viết họ tên Lê Văn H vào biên nhận, chứ vợ chồng ông H, bà C không có ký vay số tiền vay 285.000.000 đồng trên của anh N. Xét qua lời trình bày trên của ông H và bà C là không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Ông H, bà C không có chứng cứ gì để chứng minh là anh N đã có hành vi đe dọa, ép buộc ông H ký tên và viết họ tên Lê Văn H vào hai biên nhận vay tiền ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018 trên.

Như vậy, xét hợp đồng vay giữa anh Nguyễn Thanh N và ông Lê Văn H, bà Trần Thị K.C tuy không làm hợp đồng cụ thể nhưng thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, lúc giao kết vay tiền hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng vay được xem là hợp pháp. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà C chưa trả đầy đủ tiền cho anh N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

[6] Hội đồng xét xử xét thấy biên nhận ngày 24/4/2018 và biên nhận ngày 25/4/2018, tổng số tiền vay là 285.000.000 đồng có chữ ký và họ tên ông Lê Văn H nhưng bà Trần Thị K.C không có ký tên. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông H, bà C vẫn còn sống chung và ông H, bà C cũng không chứng minh được là không có vay tiền và việc vay tiền này là sử dụng vào mục đích gì nên việc anh N yêu cầu vợ chồng bà C, ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay vốn 285.000.000 đồng và lãi suất theo quy định cho anh N là có căn cứ chấp nhận.

[7] Đồng thời, tại cấp phúc thẩm ông H yêu cầu giám định chữ ký tên của ông H trong hai biên nhận trên, vì ông H cho rằng chữ ký tên H trong hai biên nhận trên là không phải do ông H ký. Xét lời trình bày trên của ông H là không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Tại đơn kháng cáo ngày 22/7/2019 (bút lục số 135) và tại văn bản ghi ý kiến ngày 20/8/2019 (bút lục số 16) thì ông H và bà C đều thừa nhận hai biên nhận vay tiền ngày 24/4/2018 và ngày 25/4/2018 trên là do ông N ép buộc ông H ký tên vào hai biên nhận vay tiền trên. Như vậy ông H và bà C đã thừa nhận là ông H đã có ký tên H và viết họ tên Lê Văn H vào hai biên nhận vay số tiền trên của ông N là hoàn toàn đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giám định đối với hai biên nhận vay tiền trên của ông H là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

[8] Xét đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận như đã nhận định và phân tích trên.

[10] Từ những nhận định và phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông H và bà C là không có căn cứ, do đó cần phải giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[11] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần lãi suất chậm trả tuyên chưa đúng theo quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại cách tuyên án về phần lãi suất chậm trả cho đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh N được chấp nhận nên bà C và ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và anh N được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N.

4. Buộc ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh N số tiền vay vốn gốc và lãi là 289.731.000 đồng (Hai trăm, tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N về việc không yêu cầu ông Lê Văn H và bà Trần Thị K C trả số tiền lãi 6.669.000 đồng.

6. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí:

7.1. Ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C phải nộp 14.487.000 đồng (Mười bốn, bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7.2. Anh Nguyễn Thanh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Thanh N 7.410.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: BG/2015/0005505 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7.3. Ông Lê Văn H và bà Trần Thị K.C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông H và bà C đã nộp theo biên lai số BH/2018 0002545 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Ông H và bà C đã nộp xong tiền án phí kháng cáo phúc thẩm).

8. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao